

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết về chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức trước ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính.

2.14 . Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm/hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa/quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Căn cứ để hạch toán doanh thu là giá trị Quyết toán A-B đối với các công trình hoàn thành nghiệm thu hoặc Bản xác nhận khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành theo từng giai đoạn đối với các công trình có thời gian thi công dài. Giá trị hạch toán doanh thu là giá trị quyết toán công trình/nghiệm thu giai đoạn (không bao gồm thuế GTGT) mà Công ty ước tính được hưởng. Giá trị này không bao gồm các khoản vật liệu do chủ đầu tư cấp và các chi phí kiến thiết cơ bản khác do chủ đầu tư thực hiện.

Chi phí hợp đồng xây dựng

Đối với các công trình đã hoàn thành, nghiệm thu bàn giao hoặc được chủ đầu tư phê duyệt quyết toán thì toàn bộ chi phí tập hợp cho công trình đó được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Đối với các công trình có thời gian thi công dài mà doanh thu được ghi nhận theo khối lượng xây lắp hoàn thành được chủ đầu tư xác nhận thì giá vốn để xác định kết quả kinh doanh tương ứng với khối lượng xây lắp đã hoàn thành.

2.15 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.16 . Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	147.303.359	339.178.277
Tiền gửi ngân hàng	3.319.653.751	6.733.705.003
Các khoản tương đương tiền (*)	6.000.000.000	-
	9.466.957.110	7.072.883.280

(*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng với lãi suất 5,5%/năm tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Nguyễn Trãi

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu	7.109.104.519	7.109.104.519
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 3 tháng	23.000.000.000	36.300.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn (*)	(4.520.258.819)	(5.142.651.919)
	25.588.845.700	38.266.452.600

(*) Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn tại ngày 30/06/2014

Tên chứng khoán	Số lượng chứng khoán	Giá trị theo sổ kế toán	Giá trị theo giá thị trường	Dự phòng giảm giá
Cổ phiếu Công ty CP NTACO	169.200	4.011.843.998	964.440.000	(3.047.403.998)
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư - Kinh doanh Nhà	21.000	548.435.787	161.700.000	(386.735.787)
Cổ phiếu Công ty CP Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	6.900	207.959.975	154.560.000	(53.399.975)
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo	11.440	145.351.380	91.520.000	(53.831.380)
Cổ phiếu Công ty CP XNK Tổng hợp 1 Việt Nam	9.000	417.351.899	290.700.000	(126.651.899)
Cổ phiếu Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai	9.384	358.331.872	227.092.800	(131.239.072)
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Phát triển - Xây dựng số 2	13.200	267.755.663	54.120.000	(213.635.663)
Cổ phiếu Công ty CP Sông Đà 9.09	6.250	95.953.667	93.125.000	(2.828.667)
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Alphanam	6.000	94.093.403	24.600.000	(69.493.403)
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn	19.500	249.382.673	191.100.000	(58.282.673)
Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại CP Công thương Việt Nam	7	153.134	101.500	(51.634)
Cổ phiếu Công ty CP Đông Hải Bến Tre	4.000	59.704.820	58.800.000	(904.820)

Cổ phiếu Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	7.560	90.388.199	72.576.000	(17.812.199)
Cổ phiếu Công ty CP Nhựa Sam Phú (**)	60.000	560.000.000	204.000.000	(356.000.000)
Cổ phiếu Công ty CP Viễn thông VTC	76	2.398.049	410.400	(1.987.649)
		7.109.104.519	2.588.845.700	(4.520.258.819)

() Thông tin bổ sung về cổ phiếu của Công ty CP Nhựa Sam Phú:**

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 số 05/2014/NQ ngày 20/05/2014 của Công ty CP Nhựa Sam Phú thì Công ty này đã có phương án chấm dứt hoạt động và tiến hành giải thể công ty. Trên cơ sở đó ngày 27/06/2014 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã có thông báo số 561/TB-SGDHN về việc hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty CP Nhựa Sam Phú. Theo đó ngày hủy đăng ký giao dịch là 15/07/2014, ngày giao dịch cuối cùng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là 14/07/2014. Tại thời điểm lập BCTC ngày 30/06/2014, cổ phiếu của công ty này được trích lập dự phòng giảm giá theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch UPCOM.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng thực hiện công trình	71.665.140.908	83.438.787.261
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	422.944.444	340.447.222
Phải thu khác	1.512.788.400	1.474.922.914
	73.600.873.752	85.254.157.397

6. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	153.543.960	153.543.960
Công cụ, dụng cụ	29.677.922	29.677.922
Chi phí SXKD dở dang	11.781.785.053	7.123.398.868
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8.423.700)	(8.423.700)
	11.956.583.235	7.298.197.050

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	159.364.327	-
Thuế xuất, nhập khẩu	100.978.417	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	46.607.316	-
	306.950.060	-

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	1.080.458.926	1.371.922.026
	1.080.458.926	1.371.922.026

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ					
Số đầu năm	2.233.227.049	1.391.885.198	3.417.009.300	34.636.360	7.076.757.907
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	2.233.227.049	1.391.885.198	3.417.009.300	34.636.360	7.076.757.907
Hao mòn TSCĐ					
Số đầu năm	1.103.502.660	975.009.388	2.178.220.469	28.983.905	4.285.716.422
Tăng trong kỳ	45.270.384	48.893.660	131.623.000	4.353.599	230.140.643
- Trích khấu hao	45.270.384	48.893.660	131.623.000	4.353.599	230.140.643
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	1.148.773.044	1.023.903.048	2.309.843.469	33.337.504	4.515.857.065
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.129.724.389	416.875.810	1.238.788.831	5.652.455	2.791.041.485
Số cuối kỳ	1.084.454.005	367.982.150	1.107.165.831	1.298.856	2.560.900.842
Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				2.268.150.090	VND
Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý:				53.482.357	VND

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chuyển giao công nghệ sản xuất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ			
Số đầu năm	272.078.682	242.000.000	514.078.682
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	272.078.682	242.000.000	514.078.682
Hao mòn TSCĐ			
Số đầu năm	159.132.436	207.675.923	366.808.359
Tăng trong kỳ	15.199.457	30.166.667	45.366.124
- Trích khấu hao	15.199.457	30.166.667	45.366.124
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	174.331.893	237.842.590	412.174.483
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	112.946.246	34.324.077	147.270.323
Số cuối kỳ	97.746.789	4.157.410	101.904.199

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	139.815.883	139.815.883
Vật tư thu hồi công trình cũ	58.553.231	58.553.231
Dự án điều tra xã hội hóa Khu chung cư Thành Công (*)	81.262.652	81.262.652
	139.815.883	139.815.883

(*) Tại thời điểm hiện tại, Dự án được Công ty đánh giá là không khả thi và khó có thể tiếp tục thực hiện được. Công ty đã có kế hoạch đánh giá lại và đưa ra quyết định chính thức với dự án trong 6 tháng cuối năm 2014. Từ đó sẽ đưa ra hướng xử lý phù hợp đối với các khoản chi phí đã phát sinh của dự án.

12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất	Cơ sở hạ tầng	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.790.504.686	17.420.686.096	25.211.190.782
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	7.790.504.686	17.420.686.096	25.211.190.782
Hao mòn			
Số đầu năm	1.861.327.840	4.877.243.749	6.738.571.589
Tăng trong kỳ	87.042.059	396.077.434	483.119.493
- Trích khấu hao	87.042.059	396.077.434	483.119.493
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	1.948.369.899	5.273.321.183	7.221.691.082
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5.929.176.846	12.543.442.347	18.472.619.193
Số cuối kỳ	5.842.134.787	12.147.364.913	17.989.499.700